TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2020
V/v: Xin ly hôn H – C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 2 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991; ĐKHK: Thôn T xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Chường**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị H đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống ở gia đình nhà anh C tại thôn T, xã V, huyện T. Trong quá trình vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không thể kìm chế được nỗi bức xúc khi sống chung với nhau. Đến khoảng tháng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ đầu năm 2020 dẫn đến vợ chồng sống ly thân, chị H đã về nhà mẹ đẻ tại V, Hải Phòng sinh sống còn anh C vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng

không quan tâm, liên lạc với nhau. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có hai con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2014 và cháu Lê Thiên PhPúc, sinh ngày 20/6/2016. Hiện cháu Bảo đang ở với chị H và cháu P đang ở với anh C. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Gia B và giao con Lê Thiên P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày anh chị không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại bản tự khai đề ngày 24/02/2020, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở tại gia đình anh, quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn mà chỉ cãi nhau về những vấn đề nhỏ trong cuộc sống, không ảnh hưởng gì tới tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị H đang làm việc ở Hải Phòng, anh có đề nghị chị H đưa các con về nhà bố mẹ anh để anh chăm sóc nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh C không đồng ý vì các con anh còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung đúng như chị H đã trình bày, nếu trong trường hợp ly hôn thì anh C nhận nuôi con Lê Thiên P và đề nghị giao con Lê Gia B cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2020, Ủy ban nhân dân xã và Công an xã V, huyện T cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Lê Văn C, sinh ngày 10/01/1983 có số chứng minh nhân dân là 151574298 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/8/2013 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/02/1991 có số chứng minh nhân dân là 031191000277 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/9/2014 đều là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện T. Hiện nay anh C vẫn đang sinh sống tại địa phương còn chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố Hải Phòng sinh sống. Chị H và anh C có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014 ngày 05/9/2014. Sau khi kết hôn, trong quá trình sống chung chị H và anh C có phát sinh mâu thuẫn trong gia đình do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Cơ sở thôn đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình với vai trò là tổ chức đoàn thể hàn gắn kết nối những mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh C nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2020, chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở Hải Phòng sinh sống còn anh C thì vẫn sinh sống tại địa phương. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã V về việc chị H xin ly hôn anh C là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh C có hai con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2014 và cháu Lê Thiên

P, sinh ngày 20/6/2016. Hiện cháu B đang ở với chị H và cháu P đang ở với anh C. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc H và anh C có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh C mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự.Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn C; Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lê Thiên P, sinh ngày 20/6/2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh C đang sinh sống tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32/2014, quyển số 01 ngày 05/9/2014. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không thể kìm chế được nỗi bức xúc khi sống chung với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ đầu năm 2020 dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tại bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, anh C thừa nhận vợ chồng có xảy ra tình trạng cãi nhau nhưng theo anh đó là những vấn đề nhỏ trong cuộc sống, không ảnh hưởng gì tới tình cảm vợ chồng.

Anh C không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn hôn nhân, cũng không suy nghĩ về tình cảm vợ chồng mà chỉ cho rằng vì các con còn nhỏ nên không ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh C để hòa giải, tháo gỡ những mâu thuẫn của vợ chồng anh chị nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, cũng không đưa ra quan điểm, nguyện vọng nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng, anh C không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện việc anh C không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh C cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ đầu năm 2020. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị H cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh C có hai con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2014 và cháu Lê Thiên P, sinh ngày 20/6/2016. Hiện cháu B đang ở với chị H và cháu P đang ở với anh C, ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng là giao cháu Lê Gia B cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thiên P cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng của các bên đương sự cũng như để đảm bảo tính ổn định về hoàn cảnh sống, môi trường sống, tạo điều kiện cho hai cháu B và P không có sự xáo trộn trong đời sống sinh hoạt của trẻ nhỏ, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Lê Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu lê Thiên P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận nguyện vọng của các bên đương sự không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H và anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2014 và giao cho anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thiên P, sinh ngày 20/6/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002123 ngày 11/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã V;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh